



QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NHÀ NƯỚC THEO MLNS NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1893 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tam Anh)

Đơn vị tính: Đồng																					
STT		Kinh phí năm trước chuyển sang	Chia ra		Dự toán năm 2025	Chia ra			Vốn sự nghiệp			Quyết toán năm 2025	Trong đó		KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số	1.206.414.000	1.176.414.000	30.000.000	25.055.442.860	9.565.442.360	2.044.406.000	6.357.904.360	15.476.718.500		15.446.718.500	15.370.446.595	8.724.616.360	6.645.830.235	12.199.600		12.199.600	9.672.796.665	854.108.000	8.818.688.665	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (00470)				343.808.000				343.808.000		343.808.000	17.000.000		17.000.000				326.808.000		326.808.000	
1.1	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách trung ương (10474)				214.243.000				214.243.000		214.243.000							214.243.000		214.243.000	
	Xã Tam Anh				214.243.000				214.243.000		214.243.000							214.243.000		214.243.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				214.243.000				214.243.000		214.243.000							214.243.000		214.243.000	
1.2	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách trung ương (10476)				22.798.000				22.798.000		22.798.000							22.798.000		22.798.000	
	Xã Tam Anh				22.798.000				22.798.000		22.798.000							22.798.000		22.798.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				22.798.000				22.798.000		22.798.000							22.798.000		22.798.000	
1.3	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương (10477)				74.199.000				74.199.000		74.199.000	17.000.000		17.000.000				57.199.000		57.199.000	
	Xã Tam Anh				74.199.000				74.199.000		74.199.000	17.000.000		17.000.000				57.199.000		57.199.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				74.199.000				74.199.000		74.199.000	17.000.000		17.000.000				57.199.000		57.199.000	
1.4	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20474)				22.373.000				22.373.000		22.373.000							22.373.000		22.373.000	
	Xã Tam Anh				22.373.000				22.373.000		22.373.000							22.373.000		22.373.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				22.373.000				22.373.000		22.373.000							22.373.000		22.373.000	
1.5	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20476)				2.407.000				2.407.000		2.407.000							2.407.000		2.407.000	
	Xã Tam Anh				2.407.000				2.407.000		2.407.000							2.407.000		2.407.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				2.407.000				2.407.000		2.407.000							2.407.000		2.407.000	
1.6	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20477)				7.788.000				7.788.000		7.788.000							7.788.000		7.788.000	
	Xã Tam Anh				7.788.000				7.788.000		7.788.000							7.788.000		7.788.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				7.788.000				7.788.000		7.788.000							7.788.000		7.788.000	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (00490)	1.176.414.000	1.176.414.000		18.746.034.860	9.565.442.360	2.044.406.000	6.357.904.360	9.167.310.500		9.167.310.500	14.400.746.595	8.724.616.360	5.676.130.235				4.345.288.265	854.108.000	3.491.180.265	
2.1	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền (00492)	140.000.000	140.000.000					-140.000.000													
	Xã Tam Anh	140.000.000	140.000.000					-140.000.000													
	Khu thể thao thôn Phú Vinh; Hang mục: Tường rào lưới B40, chỉnh trang mặt bằng sân thể thao (8121369)	140.000.000	140.000.000					-140.000.000													
2.2	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách trung ương (10492)	226.362.000	226.362.000		1.941.460.000	1.928.178.000	13.282.000	1.701.816.000				1.746.115.000	1.746.115.000					195.345.000	195.345.000		
	Xã Tam Anh	226.362.000	226.362.000		1.941.460.000	1.928.178.000	13.282.000	1.701.816.000				1.746.115.000	1.746.115.000					195.345.000	195.345.000		
	Via bè, nương thoát nước UBND xã (7927814)				205.987.000	205.987.000		205.987.000				97.818.000	97.818.000					108.169.000	108.169.000		
	Xây mới tường rào sân bóng đá thôn Bình An, Hòa Bình (7927816)				11.646.000	11.646.000		11.646.000				11.646.000	11.646.000								
	Dường GTNT tuyến từ ông Lập - ông Thầu (Đức Bó I) (8026448)				5.681.000	5.681.000		5.681.000				5.681.000	5.681.000								
	Dường GTNT tuyến từ ông Bưu - ông Sơn (Thuận An) (8026449)				74.317.000	74.317.000		74.317.000				74.317.000	74.317.000								

STT	Chi tiêu	Kinh phí năm trước chuyển sang	Chia ra		Dự toán năm2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Công trình: Bê tông hóa mặt đường và công thoát nước tuyến ống Hùng đi ống Ai thôn Tiên xuân 1 (7933488)				13.282.000		13.282.000											13.282.000	13.282.000		
	Đường GTNT tuyến từ ống Phú - nhà ống Càng (Đức Bó 1) (8031616)				118.109.000	118.109.000		118.109.000				116.042.000	116.042.000					2.067.000	2.067.000		
	Kênh N2962 - Bàu Bát (8040182)				105.438.000	105.438.000		105.438.000				105.438.000	105.438.000								
	Nhà VH Tiên Xuân 2, HM: Nâng cấp sản sinh hoạt văn hóa thôn Tiên Xuân 2: Lát gạch SV, bồn hoa, cây xanh, lắp đặt thêm hệ thống điện chiếu sáng, cải tạo phòng v (8040533)				85.852.000	85.852.000		85.852.000				85.852.000	85.852.000								
	Hệ thống điện chiếu sáng 02 thôn Đông Thanh, Bình An (8040537)				82.374.000	82.374.000		82.374.000				82.374.000	82.374.000								
	Kênh N293.1.1 (Nhất) - Đập Lân (Trà Lỳ) (8041503)				125.271.000	125.271.000		125.271.000				110.918.000	110.918.000					14.353.000	14.353.000		
	Nhà ăn Trường tiểu học Trần Văn Ôn (8049294)				117.112.000	117.112.000		117.112.000				117.112.000	117.112.000								
	Điện thắp sáng các tuyến đường ngõ xóm (điện năng lương mặt trời) (8049642)				81.900.000	81.900.000		81.900.000				81.900.000	81.900.000								
	Công hòa giao thông nội đồng từ Gò ống 9 Chung - 7 Sen (Trà Lỳ) (8069602)				34.000.000	34.000.000		34.000.000				22.000.000	22.000.000					12.000.000	12.000.000		
	Kênh N286 Đội 2 - Đông Bông (Đức Bó 1) (8086885)				58.500.000	58.500.000		58.500.000				58.500.000	58.500.000								
	Kênh N29.3.2.4 (Thuận An). (8086886)				58.500.000	58.500.000		58.500.000				40.000.000	40.000.000					18.500.000	18.500.000		
	Công hòa giao thông nội đồng Ống Tư - Ống Sị (Đông giồng meo đội 7 - Đức Bó 1) (8097846)				18.800.000	18.800.000		18.800.000				16.000.000	16.000.000					2.800.000	2.800.000		
	Mương thoát nước Khu Trung tâm hành chính xã (8097848)				39.750.000	39.750.000		39.750.000				38.000.000	38.000.000					1.750.000	1.750.000		
	Bê tông GTNT tuyến từ ngã ba HTX Thuận An đến đường đi Tràm bom thôn Thuận An (8099582)	226.362.000	226.362.000		157.741.000	157.741.000		-68.621.000				157.741.000	157.741.000								
	Nhà văn hóa đa năng xã Hùng mục: Bê tông sân vườn, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện thắp sáng (8104105)				39.000.000	39.000.000		39.000.000				24.124.000	24.124.000					14.876.000	14.876.000		
	Xây dựng cảnh quan môi trường các thôn; Hạng mục: Trồng cây xanh (8109808)				4.200.000	4.200.000		4.200.000				83.000	83.000					4.117.000	4.117.000		
	Khu thể thao thôn Phú Vinh; Hạng mục: Tường rào lưới B40, chỉnh trang mặt bằng sân thể thao (8121369)				504.000.000	504.000.000		504.000.000				500.569.000	500.569.000					3.431.000	3.431.000		
2.3	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách trung ương (10497)				1.601.313.000				1.601.313.000		1.601.313.000	844.680.000		844.680.000				756.633.000		756.633.000	
	Xã Tam Anh				1.601.313.000				1.601.313.000		1.601.313.000	844.680.000		844.680.000				756.633.000		756.633.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				1.601.313.000				1.601.313.000		1.601.313.000	844.680.000		844.680.000				756.633.000		756.633.000	
2.4	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nà nguồn vốn ngân sách trung ương (10502)				90.000.000				90.000.000		90.000.000	20.100.000		20.100.000				69.900.000		69.900.000	
	Xã Tam Anh				90.000.000				90.000.000		90.000.000	20.100.000		20.100.000				69.900.000		69.900.000	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tam Anh (1146753)				20.000.000				20.000.000		20.000.000	13.200.000		13.200.000				6.800.000		6.800.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				70.000.000				70.000.000		70.000.000	6.900.000		6.900.000				63.100.000		63.100.000	
2.5	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20492)	702.026.000	702.026.000		8.834.011.640	7.375.635.500	1.060.000.000	5.613.609.500	1.458.376.140		1.458.376.140	8.065.159.493	6.716.872.500	1.348.286.993				768.852.147	658.763.000	110.089.147	
	Xã Tam Anh	702.026.000	702.026.000		8.834.011.640	7.375.635.500	1.060.000.000	5.613.609.500	1.458.376.140		1.458.376.140	8.065.159.493	6.716.872.500	1.348.286.993				768.852.147	658.763.000	110.089.147	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tam Anh (1146753)				49.311.000				49.311.000		49.311.000							49.311.000		49.311.000	

STT	Chi tiêu	Kinh phí năm trước chuyển sang	Chia ra		Dự toán năm2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI XÃ TAM ANH (1150694)				45.000.000				45.000.000		45.000.000	44.477.000		44.477.000				523.000		523.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				1.340.690.000				1.340.690.000		1.340.690.000	1.280.468.200		1.280.468.200				60.221.800		60.221.800	
	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Anh (1156192)				23.375.140				23.375.140		23.375.140	23.341.793		23.341.793				33.347		33.347	
	Bê tông hóa mặt đường GTNT nông thôn mới năm 2019- xã Tam Hòa (7780256)				57.243.000	57.243.000		57.243.000				57.243.000	57.243.000								
	Bê tông hóa mặt đường Giao thông nông thôn năm 2020 - xã Tam Hòa (7843475)				184.384.000	184.384.000		184.384.000				184.384.000	184.384.000								
	Bê tông hóa mặt đường giao thông nội đồng năm 2020 - xã Tam Hòa (7843476)				93.519.000	93.519.000		93.519.000				93.519.000	93.519.000								
	Cảnh quang môi trường; Hạng mục: Trồng cây xanh trục đường thôn Hòa Bình (7859440)				22.382.000	22.382.000		22.382.000				22.382.000	22.382.000								
	Via bê, mương thoát nước UBND xã (7927814)				3.756.000	3.756.000		3.756.000				3.756.000	3.756.000								
	Đường GTNT tuyến từ ông Lập - ông Thầu (Đức Bô I) (8026448)				42.523.000	42.523.000		42.523.000				42.523.000	42.523.000								
	Nhà văn hóa Đông Thanh;Hạng mục: Bê tông sân nhà văn hóa (8036638)				2.574.000	2.574.000		2.574.000				2.574.000	2.574.000								
	Lối gạch vỉa hè từ nhà ông Phúc đến nhà ông Cách (8036652)				7.913.000	7.913.000		7.913.000				7.913.000	7.913.000								
	Trưởng TH Nguyễn Hiền (Cơ sở chính - Xuân Ngọc); HM: Nhà bếp, nhà ăn bán trú (8039184)				323.012.000	323.012.000		323.012.000				323.012.000	323.012.000								
	Kênh N2962 - Bàu Bát (8040182)				7.657.000	7.657.000		7.657.000				7.657.000	7.657.000								
	Nhà VH Tiên Xuân 2, HM: Nâng cấp sân sinh hoạt văn hóa thôn Tiên Xuân 2; Lát gạch SV, bồn hoa, cây xanh, lắp đặt thêm hệ thống điện chiếu sáng, cải tạo phòng v (8040533)				17.837.000	17.837.000		17.837.000				17.837.000	17.837.000								
	Hệ thống điện chiếu sáng 02 thôn Đông Thanh, Bình An (8040537)				6.393.000	6.393.000		6.393.000				6.393.000	6.393.000								
	Nhà văn hóa thôn Bình An; Hạng mục: Lát gạch vỉa hè (8041499)				1.610.000	1.610.000		1.610.000				744.000	744.000					866.000	866.000		
	Nhà ăn Trường tiểu học Trần Văn Ôn (8049294)				27.747.000	27.747.000		27.747.000				27.747.000	27.747.000								
	Điện thắp sáng các tuyến đường ngõ xóm (điện năng lượng mặt trời) (8049642)				21.257.000	21.257.000		21.257.000				21.257.000	21.257.000								
	Kênh N2-9-3 Nam Phú Ninh (đi qua các xã Tam Xuân 1, Tam Xuân 2 và Tam Anh Bắc) - Hạng mục: Sửa chữa nâng cấp đoạn qua xã Tam Anh Bắc (8059045)				2.506.898.000	2.506.898.000	1.060.000.000	1.446.898.000				1.856.468.000	1.856.468.000					650.430.000	650.430.000		
	Kênh N2-9 Nam Phú Ninh đi qua các xã Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam; Hạng mục: Sửa chữa nâng cấp (8059319)				2.318.248.500	2.318.248.500		2.318.248.500				2.318.248.500	2.318.248.500								
	Nhà VH Tiên Xuân 1 -Hạng mục: Nâng cấp sân sinh hoạt văn hóa thôn Tiên Xuân 1; Lát gạch SV, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng nền sân, lắp đặt đèn (8064198)				200.000.000	200.000.000		200.000.000				200.000.000	200.000.000								
	Đường GTNT tuyến từ đường ĐH- nhà ông Minh (Bình An) (8065805)	290.000.000	290.000.000		302.857.000	302.857.000		12.857.000				301.437.000	301.437.000					1.420.000	1.420.000		
	Đường GTNT; BTH tuyến từ nhà ông Thọ đến nhà ông Khánh thôn Xuân Ngọc (có công thoát nước). (8071804)				108.532.000	108.532.000		108.532.000				108.532.000	108.532.000								
	Sân bóng đá 7 người tại Trường THCS Nguyễn Khuyến - Hạng mục: Sân, cỏ nhân tạo, hệ thống tưới chân, điện chiếu sáng, thoát nước mặt sân (8096288)				51.300.000	51.300.000		51.300.000				51.300.000	51.300.000								
	Hệ thống mương thoát nước (Đoạn từ nhà bà Thủy - sông Trầu, thôn TX1) (8098912)				281.286.000	281.286.000		281.286.000				280.555.000	280.555.000					731.000	731.000		

STT	Chi tiêu	Kinh phí năm trước chuyển sang	Chia ra		Dự toán năm2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Bê tông GTNT tuyến từ ngã ba HTX Thuận An đến đường đi Trạm bơm thôn Thuận An (8099582)	44.526.000	44.526.000		44.526.000	44.526.000						44.526.000	44.526.000								
	Trưởng TH Nguyễn Hiến; Hàng mục: Sân nền, hệ thống thoát nước, mái che đường nội bộ và nền sân nhà bếp ăn bán trú cơ sở chính (Thôn Xuân Ngọc) (8101958)				140.000.000	140.000.000		140.000.000				140.000.000	140.000.000								
	Nâng cấp sân bóng đá 7 người khu thể thao xã; Hàng mục: Sân cỏ tự nhiên (8103602)				90.000.000	90.000.000		90.000.000				90.000.000	90.000.000								
	Cảnh quan môi trường Khu trung tâm hành chính xã; Hàng mục: Trồng cây xanh, rào chắn bảo vệ cây (8103611)				144.681.000	144.681.000		144.681.000				144.681.000	144.681.000								
	Nhà văn hóa đa năng xã;Hàng mục: Bê tông sân vườn, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện thắp sáng (8104105)	149.000.000	149.000.000		149.000.000	149.000.000						149.000.000	149.000.000								
	Xây dựng cảnh quan môi trường các thôn; Hàng mục: Trồng cây xanh (8109808)	55.000.000	55.000.000		55.000.000	55.000.000						55.000.000	55.000.000								
	Khu thể thao thôn Phú Vinh; Hàng mục: Tường rào lưới B40, chỉnh trang mặt bằng sân thể thao (8121369)	163.500.000	163.500.000		163.500.000	163.500.000						158.184.000	158.184.000					5.316.000	5.316.000		
2.6	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá tri (20493)				57.140.000				57.140.000		57.140.000	57.140.000		57.140.000							
	Xã Tam Anh				57.140.000				57.140.000		57.140.000	57.140.000		57.140.000							
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				57.140.000				57.140.000		57.140.000	57.140.000		57.140.000							
2.7	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20496)				483.796.860				483.796.860		483.796.860	483.728.660		483.728.660				68.200		68.200	
	Xã Tam Anh				483.796.860				483.796.860		483.796.860	483.728.660		483.728.660				68.200		68.200	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				400.796.860				400.796.860		400.796.860	400.796.860		400.796.860							
	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Anh (1156192)				83.000.000				83.000.000		83.000.000	82.931.800		82.931.800				68.200		68.200	
2.8	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20497)				4.499.041.500				4.499.041.500		4.499.041.500	2.742.315.982		2.742.315.982				1.756.725.518		1.756.725.518	
	Xã Tam Anh				4.499.041.500				4.499.041.500		4.499.041.500	2.742.315.982		2.742.315.982				1.756.725.518		1.756.725.518	
	Công an Xã (1053629)				120.550.000				120.550.000		120.550.000	112.500.000		112.500.000				8.050.000		8.050.000	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tam Anh (1146753)				37.952.000				37.952.000		37.952.000	37.951.000		37.951.000				1.000		1.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				4.340.539.500				4.340.539.500		4.340.539.500	2.591.864.982		2.591.864.982				1.748.674.518		1.748.674.518	
2.9	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thôn n nguồn NS cấp tỉnh (20498)				810.170.000				810.170.000		810.170.000	12.600.000		12.600.000				797.570.000		797.570.000	
	Xã Tam Anh				810.170.000				810.170.000		810.170.000	12.600.000		12.600.000				797.570.000		797.570.000	
	PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI XÃ TAM ANH (1150694)				797.570.000				797.570.000		797.570.000							797.570.000		797.570.000	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				12.600.000				12.600.000		12.600.000	12.600.000		12.600.000							
2.10	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20499)				90.000.000				90.000.000		90.000.000	90.000.000		90.000.000							

STT	Chi tiêu	Kinh phí năm trước chuyển sang	Chia ra		Dự toán năm2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Xã Tam Anh				90.000.000				90.000.000		90.000.000	90.000.000		90.000.000							
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tam Anh (1146753)				90.000.000				90.000.000		90.000.000	90.000.000		90.000.000							
2.11	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nò (20502)				77.473.000				77.473.000		77.473.000	77.278.600		77.278.600				194.400		194.400	
	Xã Tam Anh				77.473.000				77.473.000		77.473.000	77.278.600		77.278.600				194.400		194.400	
	Công an Xã (1053629)				18.000.000				18.000.000		18.000.000	17.805.600		17.805.600				194.400		194.400	
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)				59.473.000				59.473.000		59.473.000	59.473.000		59.473.000							
2.12	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp huyện (30492)	108.026.000	108.026.000		46.500.000	46.500.000	971.124.000	-1.032.650.000				46.500.000	46.500.000								
	Xã Tam Anh	108.026.000	108.026.000		46.500.000	46.500.000	971.124.000	-1.032.650.000				46.500.000	46.500.000								
	Kênh N2-9 Nam Phú Ninh đi qua các xã Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam; Hàng mục: Sửa chữa nâng cấp (8059319)						971.124.000	-971.124.000													
	Bê tông GTNT tuyến từ ngã ba HTX Thuận An đến đường đi Trại bom thôn Thuận An (8099582)	44.526.000	44.526.000					-44.526.000													
	Khu thể thao thôn Phú Vinh; Hàng mục: Tường rào lưới B40, chỉnh trang mặt bằng sân thể thao (8121369)	63.500.000	63.500.000		46.500.000	46.500.000		-17.000.000				46.500.000	46.500.000								
2.13	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn NS cấp xã (40492)				215.128.860	215.128.860		215.128.860				215.128.860	215.128.860								
	Xã Tam Anh				215.128.860	215.128.860		215.128.860				215.128.860	215.128.860								
	NĂNG CẤP TUYẾN QUỐC LỘ 1 A ĐẾN KÊNH N1 (7783484)				69.295.860	69.295.860		69.295.860				69.295.860	69.295.860								
	Trường TH Nguyễn Hiền (Cơ sở chính - Xuân Ngọc); HM: Nhà bếp, nhà ăn bán trú (8039184)				82.166.000	82.166.000		82.166.000				82.166.000	82.166.000								
	Nhà VH Tiên Xuân 1 - Hàng mục: Nâng cấp sân sinh hoạt văn hóa thôn Tiên Xuân 1; Lát gạch SV, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng nền sân, lắp đặt dụn (8064198)				22.237.000	22.237.000		22.237.000				22.237.000	22.237.000								
	Cảnh quan môi trường Khu trung tâm hành chính xã; Hàng mục: Trồng cây xanh, rào chắn bảo vệ cây (8103611)				26.130.000	26.130.000		26.130.000				26.130.000	26.130.000								
	Nhà văn hóa đa năng xã;Hàng mục: Bê tông sân vườn, bồn hoa, cây xanh, hệ thống điện thấp sáng (8104105)				15.300.000	15.300.000		15.300.000				15.300.000	15.300.000								
3	Các chương trình, mục tiêu, dự án khác (00950)	30.000.000		30.000.000	5.965.600.000				5.965.600.000		5.935.600.000	952.700.000		952.700.000	12.199.600		12.199.600	5.000.700.400		5.000.700.400	
3.1	Các chương trình, mục tiêu, dự án khác nguồn vốn ngân sách trung ương (10959)	30.000.000		30.000.000	5.965.600.000				5.965.600.000		5.935.600.000	952.700.000		952.700.000	12.199.600		12.199.600	5.000.700.400		5.000.700.400	
	Xã Tam Anh	30.000.000		30.000.000	5.965.600.000				5.965.600.000		5.935.600.000	952.700.000		952.700.000	12.199.600		12.199.600	5.000.700.400		5.000.700.400	
	PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỒI XÃ TAM ANH (1150694)				935.600.000				935.600.000		935.600.000	935.600.000		935.600.000							
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH (1150695)	12.199.600		12.199.600	5.012.199.600				5.012.199.600		5.000.000.000				12.199.600		12.199.600	5.000.000.000		5.000.000.000	
	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Tam Anh (1156192)	17.800.400		17.800.400	17.800.400				17.800.400			17.100.000		17.100.000				700.400		700.400	